TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 644/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 6 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1424/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 81/2020/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tú H, sinh năm 1977 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2/ Bị đơn: Ông Phạm Thành V, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 24/1/25 đường P, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú H trình bày:

Bà và ông Phạm Thành V chung sống với nhau vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, ông V không có trách nhiệm với gia đình, không có sự quan tâm, chăm sóc vợ con dẫn đến cuộc sống chung không

hạnh phúc nên bà nhiều lần nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó vì muốn cho ông V cơ hội để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nên bà rút đơn. Nay bà xác định không còn tình cảm nên đề nghị Toà giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Nhật D, sinh ngày 20/01/2006 và Phạm Nguyễn Nhật T, sinh ngày 22/11/2014. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Thành V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Toà ghi tự khai nhưng hết thời hạn 15 ngày bị đơn không có ý kiến bằng văn bản và cũng không gửi cho Toà án các tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án. Đồng thời, Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Ngày 28/5/2020 bà H có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông V; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ông V vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn kiện của bà H, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn". Do bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Hoài, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46, quyển số 01/05 do Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 28/3/2005, xác định hôn nhân giữa bà H và ông V là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân bà H xin ly hôn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, bản thân ông V không có trách nhiệm với gia đình, không có sự quan tâm, chăm sóc vợ con, tình cảm vợ chồng thật sự không còn. Xét thấy, trong quá trình Tòa giải quyết vụ án, ông V mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắt trong cuộc sống vợ chồng; đồng thời trước đây bà H đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn nhưng vì còn tình cảm và bà cũng muốn cho ông V thêm cơ hội để sửa đổi, hàn gắn mâu thuẫn nên rút đơn kiện nhưng đến nay vẫn không có kết quả, hiện tuy sống chung một nhà nhưng không có sự quan tâm, chia sẻ và chăm sóc nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ năm 2014 nhưng cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn, quan hệ hôn nhân chỉ còn là hình thức. Tuy kết quả xác minh tại địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn nhưng từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông V hoàn toàn không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Nhật D, sinh ngày 20/01/2006 và Phạm Nguyễn Nhật T, sinh ngày 22/11/2014. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông V mặc dù được Tòa trực tiếp tống đạt giấy triệu tập nhưng vẫn không đến Tòa nên Tòa không ghi nhận được ý kiến của ông về việc nuôi con nhưng khi tham khảo ý kiến thì cháu D cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu D và T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tú H phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tú H được ly hôn với ông Phạm Thành V (Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/05 do Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Nguyễn Nhật D, sinh ngày 20/01/2006 và Phạm Nguyễn Nhật T, sinh ngày 22/11/2014 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông V cho đến khi bà H có yêu cầu.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Tú H phải chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001858 ngày 17/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên